**Nội dung 1: Vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc trong việc chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Kết quả và ý nghĩa .**

1. Vai trò:  
   a. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng – chính trị cho việc thành lập Đảng  
   Mục đích: Truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin về Việt Nam  
   Nội dung: Thể hiện qua các tác phẩm, bài viết của Người. Đặc biệt có các tác phẩm lớn như: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường kách mệnh (1925-1927) thể hiện hệ thống quan điểm của Người.  
   - Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản  
   - Cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa: trước hết phải làm cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sau khi hoàn thành tiến lên cách mạng XHCN  
   - Chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của nhân dân và công nhân toàn thế giới, là kẻ thù trực tiếp, nguy hại nhất của nhân dân các nước thuộc địa  
   - Cách mạng Việt Nam có mối liên hệ với cách mạng vô sản ở chính quốc. Nhưng cách mạng Việt Nam phải luôn chủ động, sáng tạo, không lệ thuộc  
   - Về lực lượng cách mạng: công nông là gốc của cách mạng, tiểu tư sản, trí thức, trung nông là bạn bè của công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo  
   - Phương pháp cách mạng: cách mạng Việt Nam phải sử dụng phương pháp bạo lực cách mạng: phương pháp vũ trang + chính trị  
   - Đoàn kết quốc tế: là một bộ phận của cách mạng thế giới, nhưng cách mạng Việt Nam luôn có tính độc lập, tự chủ, tự cường đồng thời phải biết tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân thế giới khi có điều kiện  
   - Phải có Đảng lãnh đạo, Đảng phải có học thuyết cách mạng là chủ nghĩa Mác – Lênin và phải vận dụng một cách đúng đắn vào điều kiện Việt Nam.  
   b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tổ chức cho việc thành lập Đảng  
   Tháng 6/1925: Nguyễn Ái Quốc sáng lập Hội Việt Nam cách mạng thanh niên.  
   Hội có vai trò: tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin sâu rộng trong phong trào công nhân thông qua phong trào vô sản hóa.  
   Sau khi hội Việt Nam phát triển đã hình thành 3 tổ chức cộng sản:  
   - An Nam Cộng sản Đảng  
   - Đông Dương Cộng sản Đảng  
   - Đông Dương Cộng sản liên đoàn  
   Sau khi 3 tổ chức cộng sản ra đời, hoạt động mạnh mẽ, dẫn tới nguy cơ chia rẽ phong trào. Trước tình hình đó, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập hội nghị hợp nhất các tổ chức Cộng sản từ 3-7/2/1930 ở Cửu Long, Hương Cảng, Trung Quốc  
   Hội nghị đã quyết định bỏ mọi thành kiến, xung đột cũ, để hợp tác với nhau trong một Đảng Cộng sản duy nhất ở Việt Nam, và đặt tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.  
   Hội nghị đã thông qua Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam.  
   2. Ý nghĩa:  
   Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập. Điều này đã:  
   - Chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước, giải phóng dân tộc của Việt Nam  
   - Chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng Việt Nam  
   - Tạo cơ sở cho các bước nhảy vọt sau này của cách mạng Việt Nam.

**Nội dung 2: Hoàn cảnh ra đời, nội dung và ý nghĩa Cương lĩnh đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam được Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tháng 2/1930 thông qua.**

1. ***Hoàn cảnh lịch sử:***  
   - Cuối năm 1929, phong trào công nhân và phong trào yêu nước phát triển mạnh trong đó giai cấp công nhân thật sự trở thành một lực lượng tiên phong.  
   - Năm 1929 ở nước ta lần lượt xuất hiện ba tổ chức cộng sản đã thúc đẩy phong trào cách mạng phát triển, song cả ba tổ chức đều hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng của nhau, làm phong trào CM trong nước có nguy cơ bị chia rẽ lớn  
   - Được sự ủy nhiệm của Quốc tế cộng sản, Nguyễn Aí Quốc đã chủ động triêụ tập các đại biểu đến Cửu Long (Hương Cảng Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp từ ngày ***6/1/1930***  
     
   ***b) Nội dung Hội nghị:***  
   - Tại Hội nghị, NAQ phê phán những quan điểm sai lầm của các tổ chức cộng sản riêng rẽ.  
   - Hội nghị đã thảo luận và nhất trí thống nhất các tổ chức cộng sản để thành lập một Đảng duy nhất lấy tên là Đảng cộng sản Việt Nam.  
   - Thông qua *Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt*, *điều lệ vắn tắt* của Đảng do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo.  
   *=> Đó là****Cương lĩnh chính trị đầu tiên****của Đảng CS Việt Nam*  
   - Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng được thành lập, gồm 7 Ủy viên.  
   - 24/2/1930, theo đề nghị của Đông Dương CS Liên đoàn, tổ chức này được gia nhập Đảng CS Việt Nam. Của Đảng (1960), quyết định lấy ngày 3/2 hằng năm là ngày kỷ niệm thành lập Đảng.  
   - Sau này Đại hội Đại biểu toàn quốc lần III  
     
   **c) *Ý nghĩa của Hội nghị thành lập Đảng*:**  
   Hội nghị đã thống nhất được các tổ chức Cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam. Hội nghị mang tầm vóc của một Đại hội thành lập Đảng.  
     
   ***d) Nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam***  
   - Đảng cộng sản Việt Nam ra đời là kết quả tất yếu của cuộc đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp của nhân dân VN, là sản phẩm của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở Việt Nam trong trong thời đại mới.  
   - Đảng ra đời là một bước ngoặt lịch sử vĩ đại trong lịch sử CM Việt Nam. Từ đây, cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân VN đặt dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng CS Việt Nam.  
   + Đối với giai cấp công nhân chứng tỏ giai cấp công nhân đã trưởng thành đủ sức lãnh đạo cách mạng  
   + Đối với dân tộc chấm dứt thời kì khủng hoảng về đường lối và vai trò lãnh đạo cách mạng. Từ đây cách mạng Việt Nam đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng cộng sản với đường lối đúng đắn khoa học sáng tạo  
   + Là bước chuẩn bị đầu tiên có tính quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam  
   + Cách mạng Việt Nam trở thành bộ phận của cách mạng thế giới   
   - Đảng ra đời là sự chuẩn bị tất yếu đầu tiên có tính chất quyết định cho những bước phát triển nhảy vọt về sau của cách mạng.  
     
   **\* Nội dung cương lĩnh chính trị  Chính cương sách lược vắn tắt**  
   + Chiến lược cách mạng Việt Nam : cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng thổ địa đi tới xã hội cộng sản  
   + Nhiệm vụ : Đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến và Tư sản phản cách mạng làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, thành lập chính quyền công nông binh tiến hành cách mạng ruộng đất..  
   + Lực lượng : Công  Nông là lực lượng chính đồng thời lôi kéo Tiểu Tư sản, Trí thức 1 bộ phận địa chủ vừa, nhỏ và Tư Sản  
   + Lãnh đạo cách mạng : Đảng cộng sản Việt Nam  đội tiên phong của giai cấp vô sản  
   + Quan hệ : Cách mạng Việt Nam phải liên lạc với các dân tộc bị áp bức và vô sản thế giới  
   **Nhận xét** : Đây là cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo kết hợp được 2 nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu

**Nội dung 3: Tình hình Việt nam khi chiến tranh thế giới thứ II( 9/1939) bùng nổ, nội dung và ý nghĩa sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương qua ba Hội nghị trung ương (6 năm1939,7 năm1940 và 8 năm1941).**

**1 – Bối cảnh thế giới và trong nước.**

– Ngày 1-9-1939 nươc Đức phát xít xâm lược Ba Lan. Ngày 3-9-1939 Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới lần thứ hai bùng nổ mau chóng lan ra khắp thế giới.

– ở Đông Dương: Thực dân Pháp thực hiện chính sách thống trị thời chiến, nhằm vơ vét sức người , sức của của nhân dân ta phục vụ chiến tranh.

– Năm 1940 phát xít Nhật nhảy vào xâm lược Đông Dương, Pháp, Nhật cấu kết nhau thống trị và đàn áp bóc lột nhân dân ta.

– Chiến tranh và chính sách thống trị của Pháp-Nhật làm cho mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc xâm lược và bọn tay sai của chúng gay gắt hơn bao giờ hết, đòi hỏi phải giải quyết cấp bách nguyện vọng của toàn thể nhân dân ta lúc này không chỉ còn là dân sinh, dân chủ mà là giành độc lập dân tộc.

### 2 – Những chủ trương điều chỉnh chiến lược cách mạng

-Nội dung chủ yếu của sự điều chỉnh chiến lược cách mạng của Đảng được thể hiện qua Nghị quyết  Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ 6 (11-1939). Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 (11-1940) , Nghị quyết Trung ương lần thứ 8 (5-1941).

-Thứ nhất: Trên cơ sở khẳng định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ , Đảng đã kịp thời chuyển hướng chỉ đạo chiến lược : tập trung giải quyết nhiệm vụ hàng đầu là đánh đổ đế quốc và tay sai, giành độc lập dân tộc.

-Thông cáo của Đảng ngày 29-9-1939 , Trung ương Đảng đã vạch rõ “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng….gây cho tất cả các tầng lớp dân chúng hiểu biết tinh thần dân tộc giải phóng”.

-Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 6 (11-1939) xác định kẻ thù kẻ địch cụ thể , nguy hiểm của cách mạng Đông Dương là chủ nghĩa đế quốc và tay sai phản bội dân tộc . Hội nghị khẳng định “Bước đường sinh tồn của các dân tộc Đông Dương không có con đường nào khác hơn là con đường đánh đổ đế quốc Pháp chống tất cả ách ngoại xâm vô luận da trắng hay da vàng để tranh lấy giải phóng dân tộc”.

-Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 7 (11-1940) tiếp tục khẳng định quan điểm chuyển hướng chỉ đạo chiến lược giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (11-1939).

-Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (5-1941) do Nguyễn ái Quốc chủ trì đã nêu bật “nhiệm vụ giải phóng dân tộc , độc lập cho đất nước là một nhiệm vụ trước tiên của Đảng ta….”.Trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập , tự do cho toàn thể dân tộc , thì chẳng những toàn thể quốc gia còn phải chịu mãi kiếp trâu ngựa, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được….’’ ….mà vấn đề ruộng đất cũng không sao giải quyết được”.

-Thứ hai: Tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc.

-Thứ ba: Để thực hiện nhiệm vụ  giải phóng dân tộc Đảng chủ trương thành lập mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh viết tắt là Việt Minh.

-Thứ tư: Đảng chủ trương tiến hành chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền .

-Thứ năm: Đảng chủ trương xây dựng Đảng lớn mạnh về mọi mặt để làm tròn vai trò tiên phong trong cuộc đấu tranh giành độc lập.

**Nội dung 4: Tình hình Việt nam sau Cách mạng tháng 8/1945,nội dung và ý nghĩa chủ trương “Kháng chiến - Kiến quốc” ngày 25/11/1945 của Trung ương Đảng.**

**Tình hình đắt nước**

**1. Thuận lợi :**

• Có chính quyền cách mạng của nhân dân.  
• Nhân dân làm chủ vận mệnh của mình, phấn khởi, tin tưởng, quyết tâm bảo vệ chế độ mới.  
• Có sự lãnh đạo sáng suốt, dày dạn kinh nghiệm của đảng Cộng sản đông Dương và Lãnh tụ Hồ Chí Minh.  
• Phong trào cách mạng trên thế giới phát triển mạnh.

**2. Khó khăn :**

a. Về đối nội : Ngay sau khi giành được độc lập, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt với muôn vàn khó khăn:  
+ Nạn đói :  
• Hậu quả nạn đói năm 1945 vẫn chưa khắc phục nổi. đê vỡ do lũ lụt đến tháng 8/1945 vẫn chưa khôi phục, hạn hán làm cho 50% diện tích đất không thể cày cấy.  
• Công thương nghiệp đình đốn, giá cả sinh hoạt đắt đỏ.  
• Nạn đói mới có nguy cơ xảy ra trong năm 1946.  
+ Nạn dốt :  
• Hơn 90% dân số không biết chữ.  
• Các tệ nạn xã hội như mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc…tràn lan.  
+ Ngân sách cạn kiệt  
• Ngân sách quốc gia trống rỗng: Còn 1,2 triệu đồng, trong đó có đến một nửa là tiền rách không dùng được.  
• Hệ thống ngân hàng vẫn còn bị Nhật kiểm soát.  
• Quân Tưởng đưa vào lưu hành đồng “Quốc tệ”, “Quan kim” làm rối loạn nền tài chính nước ta.  
b. Về đối ngoại :  
+ Miền Bắc (từ vĩ tuyến 16 trở ra) : Hơn 20 vạn quân Tưởng và các đảng phái tay sai của chúng như: Việt Nam Quốc dân đảng (Việt Quốc), Việt Nam cách mạng đồng chí hội (Việt Cách) tràn vào nước ta với mưu đồ tiêu diệt đảng Cộng Sản đông Dương, lập nên chính quyền tay sai của chúng.Dựa vào quân Tưởng, các đảng phái này đã lập nên chính quyền phải động ở Yên Bái, Móng Cái, Vĩnh Yên.  
+ Miền Nam (từ vĩ tuyến 16 trở vào)  
• Quân đội Anh đã dọn đường cho thực dân Pháp quay trở lại xâm lược Việt Nam.  
• Các lực lượng phản động thân Pháp như đảng đại Việt, một số giáo phái…hoạt động trở lại và chống phá cách mạng.  
• Ngoài ra, còn có 6 vạn quân Nhật trên khắp đất nước…..  
Những khó khăn về đối nội và đối ngoại trên là một thách thức quá lớn đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đang còn non trẻ lúc bấy giờ. Việt Nam lúc này như đang trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

b, Nội dung của chỉ thị “kháng chiến kiến quốc”  
– 25/11/1945 ra chỉ thị kháng chiến kiến quốc  
Nội dung:  
+ Chỉ đạo chiến lược: giải phóng dân tộc, giành độc lập dân tộc.  
+ Đưa ra khẩu hiệu “DT là trên hết, tổ quốc là trên hết”  
+ Xác định kẻ thù chính là TDP.  
+ Xác định 4 nhiệm nhụ cấp bách và chú ý cần thực hiện: Củng cố chính quyền, chống TDP xâm lược, bài trừ nội phản và cải thiện đời sống cho nhân dân.  
+ Chủ trương kiên trì nguyên tắc: Bình đẳng, tương trợ, thêm bạn bớt thù. Thực hiện khẩu hiệu “Hoa – Việt thân thiện” đối với quân đội Trung Hoa Dân Quốc và thực hiện chính sách “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” đối với Pháp.  
¬ Chỉ thị kháng chiến kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng. Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược và chỉ ra kịp thời những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ 2 nhiệm vụ chiến lược mới của CMVN sau Cách mạng tháng Tám làđất nước đi đôi vs bảo vệ đất nước. Đồng thời, chỉ thị này cũng đề ra những nhiệm vụ, biện pháp cụ thể về đối nội và đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong giặc ngoài bảo vệ chính quyền CM.  
C, Quá trình thực hiện và ý nghĩa:  
Quá trình thực hiện:  
– Về chính trị:  
+ Tiến hành vẹn toàn hệ thống chính trị:vẹn toàn về các hệ thống chính trị xã hội (mặt trận), DCSDD … VNDCCH  
+ Tiến hành bầu cử quốc hội đầu tiên.  
+ 11/11/1945 tuyên bố giải tán (nhưng vẫn bí mật hoạt động ) với tên hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác  
+ 02/1951 ra hoạt đông công khai đại hội đại biểu toàn quốc lần 2 ở Tuyên Quang đổi tên thành Đảng Lao Động VN  
+03/11/1946 Chính phủ VN ra mắt nhân dân.  
– Về quân sự:  
+ Động viên lực lượng toàn dân kháng chiến chống P.  
+ Mqh ngoại gia “Hoa – Việt thân thiện” nhằm cb kháng chiến ở Miền Nam.  
+ “Độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế” với P.  
+ 9/1945-2/1946 thực hiện hòa Tưởng đánh Pháp  
+ 3/1946-12/1946 hòa Pháp đuổi Tưởng về nước.  
– Kinh tế:  
+ Ngân hàng trống rỗng, thiên tai nhiều, tài nguyên cạn kiệt => động viên nhân dân đóng góp cho ngân quỹ “tuần lễ vàng, hũ gạo tiết kiệm”.  
+ phát động các phong trào tăng gia sản xuất với khẩu hiệu: tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa, tấc đất tấc vàng…  
– Văn hóa: thành lập nhà bình dân học vụ  
Ý nghĩa:  
– Giúp ta bảo vệ được nền độc lập của đất nước.  
– Giữ vững và phát triển chính quyền cách mạng.  
– Xây dựng được nền móng đầu tiên và cơ bản cho 1 chế độ mới VNDCCH.  
– Chuẩn bị đk cần thiết trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

**Nội dung 5: Lý do bùng nổ cuộc kháng chiến và phương châm kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1946­-1954?**

Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược bùng nổ ngày 19-12-1946:

Dựa vào mục 1a phần Kiến thức cơ bản để nêu và phân tích như sau:

+ Mặc dù đã kí Hiệp định Sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946, nhưng thực dân Pháp không nghiêm túc thực hiện mà ra sức khiêu khích, phá hoại. Chúng không ngừng bắn ở Nam Bộ và Nam Trung Bộ, tìm cách thành lập “Nam Kì tự trị”. Hạ tuần tháng 11-1946, chũng chiếm đóng ở Hải Phòng, Lạng Sơn. Đầu tháng 12 chúng đổ bộ lên Đà Nẵng, chiếm đóng Hải Dương và tăng thêm quân ở Hải Phòng.

Tại Hà Nội, liên tiếp từ đầu tháng 12-1946, quân Pháp ra sức khiêu khích như đốt cháy Nhà Thông tin ở phố Tràng Tiền, phá chướng ngại vật của ta ở phố Lò Đúc, bắn vào dân thường như phố Hàng Bún, Yên Ninh, chiếm đóng trị sở Bộ Tài chính, Bộ Giao Thông công chính.

+Đến đây, bộ mặt của thực dân Pháp muốn xâm lược nước ta đã rõ ràng. Tình hình đó đòi hỏi Đáng và Chính ohur phải có những quyết sách kịp thời. Ngày 12-12-1946, Đảng đã họp và ra chỉ thị “Toàn dân kháng chiến”.

+Đặc biệt nghiêm trọng là trong các ngày 18 và 19-12-1946, quân Pháp gửi tối hậu thư như đòi ta phải giải tán lực lượng tự vệ và nắm quyền kiểm soát thủ đô, nếu không được chấp nhận thì chậm nhất là sáng ngày 20-12-1946 chúng sẽ chuyển sang hành động.

+Nền độc lập của chúng ta đang bị đe dọa nghiêm trọng. Vì vậy, trong hai ngày 18 và 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp tại làng Vạn Phúc, Hà Đông phát động cuộc kháng chiến toàn quốc. Khoảng 20h ngày 19-12-1946 công nhân nhà máy điện Yên Phụ phá máy, cả Hà Nội mất điện. Đó là tín hiệu của cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

– Phương châm tiến hành kháng chiến: tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, thực hiện kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính.  
+ Kháng chiến toàn dân: “Bất kì đàn ông, đàn bà không chia tôn giáo, đảng phái, dân tộc, bất kì người già, người trẻ. Hễ là người Việt Nam phải đứng lên đánh thực dân Pháp”, thực hiện mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xóm là một pháo đài.  
+ Kháng chiến toàn diện: đánh địch về mọi mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trong đó:  
• Về chính trị: thực hiện đoàn kết toàn dân, tăng cường xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân; đoàn kết với Miên, Lào và các dân tộc yêu chuộng tự do, hòa bình.  
• Về quân sự: thực hiện vũ trang toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, tiêu diệt địch, giải phóng nhân dân và đất đai, thực hiện du kích chiến tiến lên vận động chiến, đánh chính quy, là “triệt để dùng du kích, vận động chiến. Bảo toàn thực lực, kháng chiến lâu dài… vừa đánh vừa võ trang thêm; vừa đánh vừa đào tạo thêm cán bộ”.  
• Về kinh tế: tiêu thổ kháng chiến, xây dựng kinh tế tự cấp, tập trung phát triển nền nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và công nghiệp quốc phòng.  
• Về văn hóa: xóa bỏ văn hóa thực dân phong kiến, xây dựng nền văn hóa dân chủ theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học, đại chúng.  
• Về ngoại giao: thực hiện thêm bạn, bớt thù, biểu dương thực lực. “Liên hiệp với dân tộc Pháp, chống phản động thực dân Pháp”, sẵn sàng đàm phán nếu Pháp công nhận Việt Nam độc lập,…  
+ Kháng chiến lâu dài (trường kì): là để chống âm mưu đánh nhanh, thắng nhanh của Pháp, để có thời gian phát huy yếu tố “thiên thời, địa lợi, nhân hòa” của ta, chuyển hóa tương quan lực lượng từ chỗ ta yếu hơn địch đến chỗ ta mạnh hơn địch, đánh thắng địch.  
+ Dựa vào sức mình là chính: “phải tự cấp, tự túc về mọi mặt”, vì ta bị bao vây bốn phía. Khi nào có điều kiện ta sẽ tranh thủ sự giúp đỡ của các nước, song lúc đó cũng không được ỷ lại.  
+ Triển vọng kháng chiến: mặc dù lâu dài, gian khổ, khó khăn song nhất định thắng lợi.  
Ý nghĩa:  
– Xác định đúng kẻ thù chính -> chiến lược đúng đắn.  
– Chuẩn bị mọi mặt cho cuộc tiến công DBP để gp miền B thống nhất.  
– Thể hiện sự sáng suốt, tài tình của DCSVN

**Nội dung 6: Đặc điểm tình hình Việt nam sau khi Hiệp định Giơnevơ được kí kết (năm 1954) và nội dung đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III (9/1960)đề ra.**

### 1 – Đặc điểm tình hình hai miền Nam – Bắc sau hiệp định Giơ-ne-vơ

1.1. Miền Bắc

Sau khi hiệp định được kí kết, thực dân Pháp cố tình trì hoãn rút quân. Ta đã đấu tranh buộc quân Pháp phải rút khỏi Hà Nội vào ngày 10 tháng 10 năm 1954.

Ngày 01/01/1955, Trung ương Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về đến Hà Nội.

Trong khi rút quân, thực dân Pháp đã phá họai cơ sở hạn tầng kinh tế ở miền Bắc, đồng thời chúng cùng với Mĩ – Diệm dụ dỗ, cưỡng bức gần một triệu đồng bào Công giáo vào miền Nam.

Ngày 13/5/1955, quân Pháp hoàn toàn rút khỏi miền Bắc nước ta.

1.2. Miền Nam

Chúng ta thực hiện nghiêm chỉnh việc đình chiến, tập kết, chuyển quân và chuyển giao khu vực.

Trước khi Hiệp định được kí kết, Mĩ đã ép Pháp phải đưa tay sai của Mĩ là Ngô Đình Diệm vào chính phủ bù nhìn của Bảo Đại. Sau đó, Mĩ đã không kí vào bản cam kết thực hiện Hiệp định.

Hai ngày sau khi Hiệp định được kí kết, ngoại trưởng Mĩ đã tuyên bố can thiệp vào miền Nam Việt Nam để “ngăn chặn sự bành trướng của Chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á”.

Ngày 14 tháng 5 năm 1956, Chính phủ Pháp thông báo sẽ rút hết quân viễn chinh ở miền Nam về nước, trút bỏ trách nhiệm thi hành nhiều điều khoản còn lại của hiệp định, trong đó có việc tổ chức tổng tuyển cử ở hai miền Nam Bắc cho chính quyền Ngô Đình Diệm.

=> Miền Nam rơi vào tay đế quốc Mĩ và chính quyền tay sai.

# nội dung đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đề ra?

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9-1960) đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc:

– Xuất phát từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu đi lên chủ nghĩa xã hội không qua chế độ tư bản chủ nghĩa như ở miền Bắc là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa 2 con đường trên lĩnh vực kinh tế , chính trị , tư tưởng, văn hoá nhằm đưa miền Bắc từ nền kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở cá thể về tư liệu sản xuất lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội về kinh tế là hai mặt của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa có tác động qua lại, thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển . Trong đó, cải tạo xã hội chủ nghĩa cần đi trước một bước để mở đường.

– Công nghiệp hoá được xem là nhiệm vụ trung tâm suốt thời  kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội . Điểm mấu chốt trong công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.  
– Đồng thời với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế , phải tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá nhằm thay đổi cơ bản đời sống tư tưởng tinh thần và văn hoá của toàn xã hội phù hợp với chế độ mới xã hội chủ nghĩa.

Từ những luận điểm trên, Đại hội III vạch ra đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội với những nội dung cơ bản:

– Định hướng và mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc là: đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội . nhằm xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

– Các biện pháp chiến lược và con đường để đạt đến định hướng và mục tiêu trên:

+ Sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để tổ chức tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

+ Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp , thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh và đồng thời phát triển thành phần kinh tế quốc doanh.

+ Thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật.

– Yêu cầu cần đạt đến của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là bước biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, khoa học tiên tiến.

– Trong quá trình chỉ đạo thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, Đảng có bổ sung phát triển thêm đường lối trên cơ sở những quan điểm cơ bản đã đề ra từ Đại hội III.

– Đến Hội nghị Trung ương lần thứ 19 (3-1971) đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa được bổ sung thêm.

– Về đường lối chung:

+ Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động .

+ Tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng : cách mạng quan hệ sản xuất , cách mạng khoa học- kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá. Trong đó cách mạng khoa học – kỹ thuật là then chốt.

-Về đường lối kinh tế :

+ Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

+ Xây dựng kinh tế Trung ương đồng thời phát triển kinh tế địa phương.

+ Kết hợp kinh tế với quốc phòng.

**Nội dung 9: Mục tiêu và quan điểm cơ bản của Đảng cộng sản Việt nam về xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới .**

a)Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị

Ngay từ Đại hội VI, Đảng ta đã chỉ rõ cần đổi mới chính trị, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị.

Mục tiêu:

Mục tiêu chủ yếu của đổi mới hệ thống chính trị là nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân. Toàn bộ tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

Quan điểm:

Một là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Hai là, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị không phải là hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó, mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, làm cho hệ thống chính trị hoạt động năng động hơn, có hiệu quả hơn, phù hợp với đường lối đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước; đặc biệt là phù hợp với yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với kinh tế tri thức, với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

Ba là, đổi mới hệ thống chính trị một cách toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Bốn là, đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội, tạo ra sự vận động cùng chiều của cả hệ thống để thúc đẩy xã hội phát triển.

b) Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị

-          Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị*:*

Trước Đại hội X, Đảng ta xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đại biểu trung thành của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đại hội X và XI đà bổ sung một số nội dung quan trọng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc" .

Về phương thức lãnh đạo, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác toàn bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị". Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị.

Về vị trí, vai trò của Đảng trong hệ thống chính trị, Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định: "Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật"

Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các bộ phận cấu thành hệ thống. Trong đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, vấn đề mấu chốt nhất và cũng là khó khăn nhất là đổi mới phương thức hoạt động của Đảng, khắc phục cả hai khuynh hướng thường xảy ra trong thực tế: hoặc là Đảng bao biện, làm thay, hoặc là buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng.

Trong quá trình đổi mới, Đảng luôn luôn coi trọng việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hệ thống chính trị. Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã chỉ rõ các mục tiêu giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao tính khoa học, năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn xã hội, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng và nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và trong xã hội; làm cho nước ta phát triển nhanh và bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thích ứng với những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là công việc hệ trọng, đòi hỏi phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm; vừa phải quán triệt các nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ của từng cấp, từng ngành.

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:

Chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận Nhà nước pháp quyền là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng của xã hội tư bản chủ nghĩa mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của xã hội loài người, của nền văn minh nhân loại, Việt Nam cần tiếp thu.

Chúng ta hiểu chế định Nhà nước pháp quyền không phài là một kiểu nhà nước, một chế độ nhà nước. Trong lịch sử loài người chỉ có bốn kiểu nhà nước. Nhà nước pháp quyền là cách thức tổ chức phân công quyền lực nhà nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng theo năm đặc điểm sau đây:

* Đó là nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.
* Quyền lực nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.
* Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật và bảo đảm cho Hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.
* Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật.
* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện của xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức thành viên của Mặt trận.

Để việc xây dựng Nhà nước pháp quyền đạt kết quả cao cần thực hiện tốt một số biện pháp lớn sau đây:

* Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong văn bản pháp luật. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát tính hợp hiến, hợp pháp trong các hoạt động và quyết định của các cơ quan công quyền.
* Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội. Hòan thiện cơ chế bầu cử nhằm nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội. Đổi mới quy trình xây dựng luật, giảm mạnh việc ban chấp hành pháp luật. Thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và chức năng giám sát tối cao.
* Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thong suốt, hiện đại.
* Xây dựng hệ thống cơ quant tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, quyền con người. Tăng cường các cơ chế giám sát, bảo đảm sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động tư pháp.
* Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp, bảo đảm quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong việc quyết định và tổ chức thực hiện những chính sách trong phạm vi được phân cấp.

-   Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị:

         Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp, vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân; đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chủ trương chính sách về kinh tế, văn hóa, xã hội; an ninh, quốc phòng.

         Nhà nước ban hành cơ chế để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

         Thực hiện tốt Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Thanh niên, Luật Công đoàn…, quy chế dân chủ ở mọi cấp để Mặt trận, các tổ chức chính trị  - xã hội và các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền và hệ thống chính trị.

Đổi mới hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức; nâng cao chất lượng hoạt động; làm tốt công tác dân vận theo phong cách trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân, nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin.

[Về quảng cáo](https://wordpress.com/about-these-ads/)

**Nội dung 12:Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về giải quyết các vấn đề xã hội.**

**Quan điểm:**  
  
**-**Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội.  
  
- Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước và từng chính sách phát triển.  
  
- Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa chính quyền và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ.  
  
- Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI), và chỉ tiêu phát triển lĩnh vực xã hội.  
  
[**Chủ trương**](http://kenhsinhvien.vn/tag/chu-truong/)**:**  
  
**-**Khuyến khích mọi người dân làm giàu theo pháp luật, thực hiện có hiêu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo.  
  
- Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe tốt cho cộng đồng.  
  
- Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả.  
  
- Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi.  
  
- Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế họach hóa gia đình.  
  
- Chú trong các chính sách ưu đãi xã hội.  
  
- Đổi mới cơ chế quảng lý và phương thức cung ứng các dịch vụ cộng đồng.

**Nội dung 13:. Chủ trương, chính sách lớn của Đảng Cộng sản Việt Nam về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế.**

1. Sự cần thiết của việc mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập quốc tế  
Để tạo thêm nguồn lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước, kết hợp nội lực với các nguồn lực từ bên ngoài, tạo thành nguồn lực tổng hợp để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; phát huy vai trò và nâng cao vị thế của Việt Nam, góp phần tích cực vào đấu tranh chung của nhân dân thế giới, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.  
2. Một số chủ trương, chính sách lớn  
Đưa các quan hệ quốc tế đã được thiết lập đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững  
Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế theo lộ trình phù hợp  
Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO  
Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước  
Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế  
Giải quyết tốt nhất các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập  
Xây dựng và vận hành có hiệu quả mạng lưới an sinh xã hội như giáo dục, bảo hiểm, y tế; đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo; có các biện pháp cấm, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng có hại cho môi trường; tăng cường hợp tác quốc tế trên lĩnh vực bảo vệ môi trường.  
Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập  
Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước, ngoại giao nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại  
Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.  
 Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của nước ta trong giai đoạn hiện nay có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần đưa đất nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nền kinh tế Việt Nam có bước phát triển mới, thế và lực của Việt Nam được nâng cao trên trường quốc tế.